TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 141/2023/DS-PT

Ngày: 14/6/2023

V/v: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và hủy quyết định cá biệt"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tiến

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Tấn Trường

ông Phạm Ngọc Thái

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Đinh Thị Thanh Yên; Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/DS-PT ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và hủy quyết định cá biệt".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 09/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2283/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn N, sinh năm 1937 (đã chết) và bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1942; cùng địa chỉ: Tổ A, thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn N*:*

+ Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1942; địa chỉ: Tổ A, thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

+ Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1983, có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1966; có mặt.

+ Ông Nguyễn Tấn T1, sinh năm 1968; có mặt.

+ Ông Nguyễn Tấn H1, sinh năm 1972; xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1976; xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị C: Ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị C1 và ông Nguyễn Tấn T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Tấn T và ông Nguyễn Tấn H1: Ông Đào Duy K, Luật sư thuộc Văn phòng L, thuộc đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** ông Nguyễn Phúc D, sinh năm 1943; Địa chỉ: Tổ A, thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1981; địa chỉ: khối phố E, A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết S, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam; Địa chỉ: K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Bà Dương Thị H2, sinh năm 1948; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H2: Ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1981; địa chỉ: khối phố E, A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn I, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1985; địa chỉ: Phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Đ2: Ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1981; địa chỉ: khối phố E, A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị H2, ông Nguyễn Văn H3, ông Nguyễn Văn Đ1, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Đ2: Ông Nguyễn Phúc D (Theo Giấy ủy quuyền ngày 20/11/2020).

Vụ án do bị đơn ông Nguyễn Phúc D kháng cáo và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn N**, bà** Huỳnh Thị C **và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông** Nguyễn N**, người đại diện theo ủy quyền của bà** Huỳnh Thị C **trình bày:**

Vào năm 1968, gia đình ông Nguyễn N và bà Huỳnh Thị C có khai phá, sử dụng diện tích đất khoảng 190m^2 (theo xác minh của UBND xã T tại Biên bản kiểm tra hiện trường ngày 07/6/2018 cũng như tại Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 17/7/2018 thì có diện tích 171,6m^2) tại thôn N (thôn B cũ), xã T, huyện N để phơi khoai lang sau đó trồng cây dương liễu và bán nhiều đợt cho bà Nguyễn Thị Á ở xã T, hiện tại vẫn còn cây cối. Thửa đất trên gia đình ông N, bà C đã sử dụng ổn định liên tục không có tranh chấp đến nay đã gần 50 năm.

Đến năm 1982, ông Nguyễn Phúc D khai phá diện tích đất xung quanh thửa đất của gia đình ông N, bà C để trồng cây dương liễu và keo lá tràm. Từ trước đến nay phần đất của ai người đó sử dụng và không có tranh chấp. Năm 2018, gia đình ông N, bà C trồng trụ bê tông và làm hàng rào để làm ranh giới giữa hai bên cũng như để bảo vệ tài sản của mình thì ông D tự ý tháo gỡ hàng rào của gia đình ông N, bà C nên đôi bên phát sinh tranh chấp. Sự việc trên đã được hòa giải tại UBND xã nhưng không thành, qua hòa giải, gia đình ông N, bà C được biết ông D đã tự ý kê khai và được cấp Giấy CNQSD đất diện tích 4.841m^2 tại thửa đất số 80, tờ bản đồ số 2 (theo hồ sơ đo mới năm 2012 thì thuộc thửa đất số 146, tờ bản đồ số 9, diện tích 3.946,9m^2). Trên diện tích đất ông D được cấp có phần diện tích đất tranh chấp và cây cối mà gia đình ông N, bà C trồng và sử dụng từ năm 1968 đến nay.

Do đó, ông N, bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Buộc ông Nguyễn Phúc D chấm dứt hành vi cản trở gia đình ông N, bà C làm bờ rào và sử dụng đối với diện tích đất qua đo đạc thực tế là 225,5m^2 tại thôn N, xã T, huyện N (theo hồ sơ 64/CP thì thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ số 2 theo hồ sơ đo mới năm 2012 thì thuộc thửa đất số 146, tờ bản đồ số 9).

- Hủy một phần Giấy CNQSD đất của hộ ông Nguyễn Phúc D đối với phần diện tích đất 225,5m^2 trên tổng diện tích 4.841m^2 tại thửa đất số 80, tờ bản đồ số 2 (theo hồ sơ đo mới năm 2012 tại thửa đất số 146, tờ bản đồ số 9, diện tích 3.946,9m^2) mà hộ ông Nguyễn Phúc D đã được UBND huyện N cấp ngày 25/8/2000, đối với diện tích 225,5m^2.

2. Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Nguyễn Phúc D **đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ**

liên quan bà Dương Thị H2**, ông** Nguyễn Văn H3**, ông** Nguyễn Văn Đ1**, bà** Nguyễn Thị N1**, bà** Nguyễn Thị M**, ông** Nguyễn Văn Đ2 **và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn trình bày:**

Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc do ông bà ông D để lại, được ông D bắt đầu sử dụng từ năm 1976 đến nay, bao gồm căn nhà cấp 4, xung quanh ông D có trồng cây để giữ đất và chặt nhánh lấy củi. Diện tích đất của ông D ban đầu khoảng 8.000m^2, sau khi hiến đất làm đường còn khoảng 5.000m^2. Trong quá trình sinh sống, ông D có cho ông N chặt nhánh lấy củi từ năm 1981 đến nay. Ông D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi vì diện tích đất tranh chấp nằm trong diện tích đất 4.841m^2 của gia đình ông D, không có ranh giới, xung quanh là đất và cây của ông D bao quanh. Cây trên đất là cây ông D trồng vào năm 1978 và cho ông N chặt nhánh lấy củi vào năm 1981, việc cho nhánh bằng miệng, không có văn bản. Diện tích đất tranh chấp đã được gia đình ông D kê khai đăng ký theo hồ sơ 299/TTg và 64/CP và gia đình ông D đã được cấp Giấy CNQSD đất theo quy định pháp luật.

Tại Công văn số 1149/UBND-TNMT ngày 27/7/2022 (BL 127), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện N **trình bày:**

Theo hồ sơ 299/TTg xã T thể hiện thửa đất số 30, tờ bản đồ số 02, diện tích 607m^2, loại đất T do ông nguyễn Phúc D1 đứng tên kê khai đăng ký sử dụng. Theo hồ sơ 64/CP xã T thể hiện thửa đất số 80, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.841m^2, loại đất ở và vườn do ông Nguyễn Phúc D đứng tên kê khai, đăng ký, sử dụng và được UBND huyện N cấp Giấy CNQSD đất ngày 25/8/2000 cùng với 03 thửa đất khác. Việc UBND huyện N cấp Giấy CNQSD đất cho ông Nguyễn Phúc D tại thửa đất số 80, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.841m^2 là đúng quy định pháp luật.

Với nội dung nêu trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 09/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 39 khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 11, 15, 115, 163 và 168 của Bộ luật dân sự; các Điều 3, 21 Luật đất đai năm 1993, được sửa đổi bổ sung năm 1998; khoản 7, 9 Điều 3, khoản 1, 2, 3 Điều 26, các Điều 53, 99, 100 và 101 Luật đất đai năm 2013; Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn N, bà Huỳnh Thị C về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và hủy quyết định cá biệt*" với ông Nguyễn Phúc D.

Hủy một phần Giấy CNQSD đất do UBND huyện N cấp tại thửa đất số 80, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.841m^2 tại thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Nguyễn Phúc D ngày 25/8/2000 đối với phần diện tích 225,5m^2.

Buộc ông Nguyễn Phúc D chấm dứt hành vi cản trở vợ chồng bà Huỳnh Thị C sử dụng diện tích 225,5m^2 đất và toàn bộ cây thông (dương liễu) hiện có trong thửa số 80 (số thửa mới 146), tờ bản đồ số 02 (tờ bản đồ mới số 26), diện tích 4.841m^2 tại thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (*Có sơ đồ kèm theo bản án*).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quy định thi hành án và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 10/01/2023, ông Nguyễn Phúc D (Bị đơn) kháng cáo đề nghị sửa bản sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; ngày 18/01/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 07/QĐ-VKS-DS kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm đề nghị sửa bản sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, Bị đơn không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên, Kiểm sát viên không rút quyết định kháng nghị; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Bị đơn, chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa Bản án sơ thẩm sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 09/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Sau khi nghe: Người kháng cáo, kháng nghị trình bày nội dung kháng cáo, kháng nghị; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét nội dung kháng cáo của Bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn thì thấy:

Theo trích đo bản đồ địa chính số 01-2021 do Văn phòng Đ3 đo vẽ ngày 04/01/2021 (BL 92) thì diện tích đất tranh chấp 225,5m^2 nằm trong thửa đất số 146, tờ bản đồ số 26, diện tích 3.629,4m^2 (đo thực tế) tại thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam được UBND huyện N cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Phúc D ngày 25/8/2000 (là thửa đất số 80, tờ bản đồ số 2, diện tích 4.841m^2).

Biên bản kiểm tra hiện trường do UBND xã T lập ngày 07/6/2018 (BL 22) ông Nguyễn Phúc D đã thừa nhận: Phần đất tranh chấp nêu trên thì ông có cho ông Nguyễn N mượn đất để trồng thông, ông yêu cầu ông Nguyễn N đốn cây để trả lại đất cho gia đình ông, nhưng ông D không có chứng cứ để chứng minh phần đất tranh chấp hiện nay ông Nguyễn N đang sử dụng và có cây trên đất là do ông D cho mượn. Diện tích đất tranh chấp 225,5m^2 nằm trong thửa đất

số 146, tờ bản đồ số 26, diện tích 3.629,4m^2 tại thôn N, xã T, huyện N từ năm 1980 đến nay ông Nguyễn N là người sử dụng. Biên bản xem xét thẩm định ngày 24/11/2020 thể hiện: Toàn bộ 31 cây dương liễu hiện có trên đất là cây tái sinh lần 1, phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Thị Á là người mua cây của ông Nguyễn N là người trồng cây. Do đó, có đủ cơ sở để xác định ông Nguyễn N là người quản lý, sử dụng, sở hữu toàn bộ cây hiện có trên diện tích đất tranh chấp 225,5m^2.

[2]. Bản án sơ thẩm nhận định: "Việc UBND huyện N cấp Giấy CNQSD đất tại thửa đất số 80, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.841m^2 tại thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Nguyễn Phúc D khi các cơ quan chức năng không khảo sát, thẩm tra thực trạng tình hình sử dụng đất của các hộ gia đình cá nhân có liên quan đối với phần diện tích 225,5m^2 đất, không giải quyết các tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn N có trên diện tích 225,5m^2 đất và không tiến hành kiểm tra, xác minh ai là người khai hoang hoặc đang sử dụng diện tích là 225,5m^2 đất nêu trên là không đúng quy định tại Điều 21 của Luật đất đai năm 1993 quy định: "*Việc quyết định giao đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được tiến hành sau khi có quyết định thu hồi đất đó*". Sai sót này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông Nguyễn N. Do việc cấp Giấy CNQSD đất tại thửa đất số 80, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.841m^2 tại thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Nguyễn Phúc D ngày 25/8/2000 không đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Hủy một phần Giấy CNQSD đất do UBND huyện N cấp tại thửa đất số 80, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.841m^2 tại thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Nguyễn Phúc D ngày 25/8/2000 (đối với diện tích 225,5m^2)". Nhận định của Bản án sơ thẩm được trích dẫn ở trên là có căn cứ, phù hợp với thực tế quản lý và sử dụng đất của ông D và ông N.

[3]. Sau khi xét xử sơ thẩm, Bị đơn – ông Nguyễn Phúc D kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam kháng nghị nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Phúc D và kháng nghị của Viện kiểm sát. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS - ST ngày 09/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[4]. Án phí phúc thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí và Lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Phúc D là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo ông Nguyễn Phúc D và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS - ST ngày 09/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Áp dụng: các Điều 11, 15, 115, 163 và 168 của Bộ luật dân sự; các Điều 3, 21 Luật đất đai năm 1993, được sửa đổi bổ sung năm 1998; khoản 7,9 Điều 3, khoản 1, 2, 3 Điều 26, các Điều 53, 99, 100 và 101 Luật đất đai năm 2013;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn N, bà Huỳnh Thị C về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và hủy quyết định cá biệt*" với ông Nguyễn Phúc D.

Hủy một phần Giấy CNQSD đất do UBND huyện N cấp tại thửa đất số 80, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.841m^2 tại thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Nguyễn Phúc D ngày 25/8/2000 đối với phần diện tích 225,5m^2.

Buộc ông Nguyễn Phúc D chấm dứt hành vi cản trở vợ chồng bà Huỳnh Thị C sử dụng diện tích 225,5m^2 đất và toàn bộ cây thông (dương liễu) hiện có trong thửa số 80 (số thửa mới 146), tờ bản đồ số 02 (tờ bản đồ mới số 26), diện tích 4.841m^2 tại thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (*Có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm* số *04/2023/DS - ST ngày 09/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam)*.

2. Án phí phúc thẩm:

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí và Lệ phí Tòa án:

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Phúc D.

3. Các quyết định về: Án phí sơ thẩm; Chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản và Quy định về thi hành án, chậm thi hành án được thực hiện theo Quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS - ST ngày 09/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

.Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến